

BÁO CÁO

Công khai thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trên cơ sở tình hình thực hiện thu, chi NSNN quý II năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Nông Sơn báo cáo công khai, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước

1.1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 42.495 triệu đồng, đạt 37,07% so với dự toán HĐND huyện giao, 73,60% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu do tỉnh quản lý: 30.819 triệu đồng, đạt 31,87% so với dự toán HĐND huyện giao, 66,05% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu do huyện quản lý: 11.676 triệu đồng, đạt 69,63% so với dự toán HĐND huyện giao, 104,50% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương 342.579 triệu đồng, đạt 98,38% so với dự toán HĐND huyện giao, 114,44% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Thu được hưởng theo phân cấp: 30.036 triệu đồng, đạt 38,03% so với dự toán HĐND huyện giao, 84,23% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 192.753 triệu đồng, đạt 71,75% so với dự toán HĐND huyện giao, 128,47% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang: 119.790 triệu đồng.

2. Chi ngân sách nhà nước

Tổng chi ngân sách nước địa phương: 154.350 triệu đồng, đạt 44,33% so với dự toán HĐND huyện giao, 90,64% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư phát triển: 52.511 triệu đồng, đạt 64,48% so với dự toán HĐND huyện giao, 161,90% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 93.394 triệu đồng, đạt 36,60% so với dự toán HĐND huyện giao, 100,28% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi dự phòng ngân sách: 467 triệu đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách: 1.276 triệu đồng.

- Chi chuyển giao ngân sách xã: 6.702 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 93/CK-NSNN, biểu 94/CK-NSNN, biểu 95/CK-NSNN)



UBND huyện công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

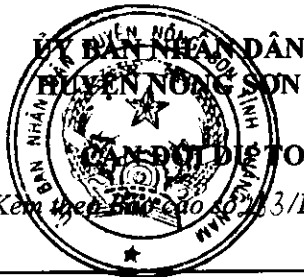
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính, Sở KH&ĐT (b/c);
- TT, HU, HUBND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, Hội đoàn thể huyện;
- UBND các xã
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


al

Nguyễn Văn Hòa





Biểu số 93/CK-NSNN

BÁO CÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 24/7/2020 của UBND huyện Nong Son)

Đơn vị: Triệu đồng

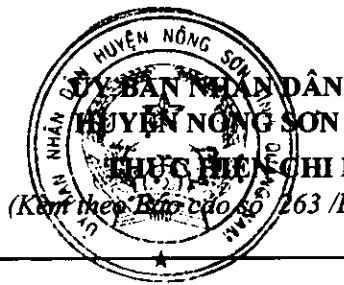
STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2019 HĐND huyện giao	Thực hiện quý II năm 2020	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG NGUỒN NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (PHẦN HUYỆN THU)	114.634	42.495	37,07%	73,60%
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	348.221	342.579	98,38%	114,44%
I	Thu cân đối NSNN	78.970	30.036	38,03%	84,23%
1	Thu nội địa	78.970	30.036	38,03%	84,23%
2	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu các khoản quản lý chi qua NSNN	-	-		
III	Vượt thu năm 2018 chuyển sang năm 2019	-	-		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	268.653	192.753	71,75%	128,47%
V	Thu từ nguồn tăng thu hưởng theo phân cấp	598			
VI	Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang		119.790		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	348.221	154.350	44,33%	90,64%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	348.221	146.372	179,72%	116,23%
1	Chi đầu tư phát triển	81.443	52.511	64,48%	161,90%
2	Chi thường xuyên	255.176	93.394	36,60%	100,28%
3	Chi dự phòng	3.705	467		240,72%
4	Tăng thu 10%	-	-		
5	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 sang	-			
6	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	7.299	-		
7	Chi từ nguồn vượt thu được hưởng theo phân cấp	598	-		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh				
III	Chi nộp ngân sách cấp trên				
IV	Chi chuyển nguồn				
V	Chi tạm ứng ngân sách		1.276		6,05%
VI	Chi chuyển giao cho ngân sách xã		6.702		28,82%



Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 24/7/2020 của UBND huyện Nông Sơn)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 HĐND huyện giao	Thực hiện quý II năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2		
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	114.634	42.495	37,07%	73,60%
I	Thu nội địa	114.634	42.495	37,07%	73,60%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	78.300	25.157	32,13%	66,25%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.685	4.219	33,26%	83,17%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.080	788	72,96%	122,36%
5	Thuế bảo vệ môi trường	4.430	2.117	47,79%	99,34%
6	Lệ phí trước bạ	5.300	1.103	20,81%	46,02%
7	Thu phí, lệ phí	2.630	775	29,47%	73,95%
8	Các khoản thu về nhà đất	3.849	5.635	146,40%	473,13%
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>				
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	3.479	5.417	155,71%	635,05%
	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	370	218	58,92%	64,50%
	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	1.160	950	81,90%	57,68%
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	200	135		204,55%
12	Thu cấp tiền khai thác khoáng sản	5.000	1.616		
13	Thu tiền phạt, chậm nộp		0		0,00%
II	Thu hồi các khoản chi năm trước	0			
III	Thu từ các khoản thu để lại quản lý qua NSNN		0		
IV	Thu viện trợ	78.970			
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	56.390	35.658	63,23%	100,00%
1	Từ các khoản thu phân chia	22.580	20.546	90,99%	100,00%
2	Từ khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	15.338	15.112	98,53%	100,00%



Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 263 /BC-UBND ngày 24 /7/2020 của UBND huyện Nông Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020 HĐND huyện giao	Thực hiện quý II năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		348.221	154.350	44,33%	90,64%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	348.221	146.372	42,03%	116,39%
I	Chi đầu tư phát triển	81.443	52.511	64,48%	161,90%
1	Chi đầu tư cho các dự án	81.443	52.511	64,48%	161,90%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	255.176	93.394	36,60%	100,28%
1	Chi quốc phòng	4.035	3.544	87,83%	126,57%
2	Chi an ninh	1.934	972	50,26%	94,55%
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	87.733	32.846	37,44%	84,23%
4	Chi khoa học và công nghệ	400	18		
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.880	1.180	62,77%	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.647	1.508	41,35%	180,38%
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.145	1.249	109,08%	218,36%
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.031	455	44,13%	157,99%
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.784	377	21,13%	50,54%
10	Chi hoạt động kinh tế	56.087	2.400	4,28%	38,62%
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	67.540	31.531	46,68%	106,59%
12	Chi bảo đảm xã hội	27.332	16.839	61,61%	158,10%
13	Chi khác	628	475	75,64%	76,49%
III	Dự phòng ngân sách	3.705	467	12,60%	240,72%
IV	Chi từ nguồn vượt thu hưởng theo phân cấp	598			
V	Chi từ nguồn thu phí BVMT	0			
VI	Chi tạo nguồn CCTL	7.299			
VII	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 sang	0	0		
VIII	Chi từ nguồn thu để lại	0			
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình, dự án quan trọng				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách thường xuyên				
C	Chi nộp ngân sách cấp trên				
D	Chi chuyển nguồn				
E	Chi tạm ứng ngân sách		1.276		6,05%
F	Chi chuyển giao cho ngân sách xã		6.702		28,82%